

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 169/2026/HNGĐ-
ST

Ngày: 07-5-2026
V/v tranh chấp hôn nhân gia
đình về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Hải.
- Ông Hồ Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị O**, sinh năm 1986; địa chỉ: **ấp R, xã H, tỉnh Tây Ninh**; tạm trú: **ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh**.

2. Bị đơn: Anh **Trần Hoài H**, sinh năm 1985; địa chỉ: **ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh**; tạm trú: **khu phố S, phường A, tỉnh Tây Ninh**.

Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị O** trình bày:*

Chị và anh **Trần Hoài H** chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

tháng 7 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh **H** ly thân từ tháng 07 năm 2006 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh **H**.

Về con chung: Có 01 con chung là **Trần Phạm Hoài T**, sinh ngày 05-01-2006. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Trần Hoài H** trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị **O** về hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân là đúng. Nay tình cảm không còn, anh chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị **O**.

Về con chung: Có 01 con chung là **Trần Phạm Hoài T**, sinh ngày 05-01-2006. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 05-6-2000, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **O**, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **O** và anh **H**. Về con chung: có 01 con chung tên **Trần Phạm Hoài T**, sinh ngày 05-01-2006. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận. Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Phạm Thị O** khởi kiện yêu cầu không nhận quan hệ vợ chồng với anh **Trần Hoài H**, địa chỉ: **ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh**; tạm trú: **khu phố S, phường A, tỉnh Tây Ninh**. Căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị **O**, anh **H** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **O** và anh **H** chung sống với nhau từ năm 2005, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, mặc dù chị **O**, anh **H** đã có thời gian chung sống và đã có 01 con chung nhưng căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì xác định chị **Phạm Thị O** và anh **Trần Hoài H** không phải là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **O**, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **O** và anh **H**.

[2.2] Về con chung: Chị **O**, anh **H** xác nhận có 01 con chung là **Trần Phạm Hoài T**, sinh ngày 05-01-2006. Xét thấy, cháu **T** đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị **Phạm Thị O** phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị **Phạm Thị O** và anh **Trần Hoài H** là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung là **Trần Phạm Hoài T**, sinh ngày 05-01-2006. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận chị O, anh H không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004400 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị O đã nộp xong.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- P.THADS khu vực 12;
- UBND xã Hòa Hội;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

